

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 42

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 số 0101449271 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 5 năm 2021.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Đơn vị trực thuộc</i>	<i>Địa chỉ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
- Chi nhánh Thanh Hóa	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
- Chi nhánh Thái Bình	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- Chi nhánh Miền Trung	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- Chi nhánh Tây Nguyên	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
- Chi nhánh Hà Nam	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
- Chi nhánh Kinh doanh Nông sản	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
- Chi nhánh Ba Vì	
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển	Huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
- Nhà máy Thường Tín	
Văn phòng đại diện tại tỉnh Udonxay	Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Trường	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên
Ông Trần Đình Long	Thành viên

Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2023

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban
Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên
Ông Lương Ngọc Thái	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Trường	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Sáu	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Trần Kim Liên, Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Quang Trường – Tổng Giám đốc Công ty được bà Trần Kim Liên ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 01/UQ-VINASEED ngày 1 tháng 1 năm 2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 29 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Quang Trường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 61201380/66923152-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 42 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Tỉnh Xuân Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		715.477.080.404	739.956.518.288
110	I. Tiền	4	192.893.343.981	257.450.028.216
111	1. Tiền		192.893.343.981	257.450.028.216
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		191.862.786.709	172.181.518.994
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	126.013.575.859	136.332.726.201
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	11.212.099.065	29.003.198.300
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	25	18.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	36.697.699.785	6.906.182.493
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(60.588.000)	(60.588.000)
140	III. Hàng tồn kho	8	327.378.503.730	306.138.409.882
141	1. Hàng tồn kho		331.747.813.302	310.507.719.454
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.369.309.572)	(4.369.309.572)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.342.445.984	4.186.561.196
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	610.412.348	489.073.356
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	14	-	581.630
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	2.732.033.636	3.696.906.210
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.295.268.425.082	1.289.863.374.224
220	I. Tài sản cố định		151.817.538.260	146.422.344.981
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	142.680.000.099	136.363.334.362
222	Nguyên giá		305.638.288.406	291.352.305.700
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(162.958.288.307)	(154.988.971.338)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	9.137.538.161	10.059.010.619
228	Nguyên giá		25.623.876.922	25.623.876.922
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(16.486.338.761)	(15.564.866.303)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		3.775.914.700	3.775.914.700
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		3.775.914.700	3.775.914.700
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	12	1.122.442.015.906	1.122.442.015.906
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.096.380.280.526	1.096.380.280.526
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		26.061.735.380	26.061.735.380
260	IV. Tài sản dài hạn khác		17.232.956.216	17.223.098.637
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	15.383.086.186	15.115.634.692
262	2. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	24.3	1.849.870.030	2.107.463.945
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.010.745.505.486	2.029.819.892.512

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		585.254.355.388	599.730.491.652
310	I. Nợ ngắn hạn		585.254.355.388	599.730.491.652
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	92.244.088.975	147.821.066.850
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	3.312.456.068	14.089.690.313
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	5.365.981.765	237.228.200
314	4. Phải trả người lao động		11.216.067.303	30.292.046.375
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		3.370.751.265	2.778.563.449
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	108.106.461.633	77.759.731.933
320	7. Vay ngắn hạn	16	319.240.635.042	291.674.388.024
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		42.397.913.337	35.077.776.508
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.425.491.150.098	1.430.089.400.860
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	1.425.491.150.098	1.430.089.400.860
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		175.869.880.000	175.869.880.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		175.869.880.000	175.869.880.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		331.245.527.850	331.245.527.850
415	3. Cổ phiếu quỹ		(50.000.000)	(50.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		413.626.949.105	392.440.061.631
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		504.798.793.143	530.583.931.379
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		403.305.025.579	350.018.716.639
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay		101.493.767.564	180.565.214.740
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.010.745.505.486	2.029.819.892.512

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Trường

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	633.289.652.949	588.147.061.261
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	67.133.275.511	58.493.038.809
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	19.1	566.156.377.438	529.654.022.452
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	20	395.085.427.052	339.739.529.518
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		171.070.950.386	189.914.492.934
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	32.302.076.622	41.404.588.130
22	7. Chi phí tài chính	21	15.138.647.301	9.154.692.983
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		8.475.907.871	5.415.388.421
25	8. Chi phí bán hàng	22	46.697.633.383	54.553.357.395
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	31.345.620.750	39.072.245.765
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		110.191.125.574	128.538.784.921
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác		3.800.000	778.817
40	13. Lỗ khác [40 = 31 - 32]		3.800.000	778.817
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [14 = 30 + 40]		110.187.325.574	128.538.006.104
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	8.173.464.095	3.800.771.177
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	24.3	257.593.915	367.710.294
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		101.756.267.564	124.369.524.633

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Trường

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng		533.931.374.531	451.190.361.279
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(449.237.621.169)	(326.570.608.391)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(57.177.013.300)	(58.434.007.944)
04	Tiền lãi vay đã trả		(9.190.091.079)	(5.614.920.751)
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(316.858.604)	(1.469.518.334)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		8.505.979.579	19.211.863.067
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(41.797.893.411)	(32.599.104.605)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(15.282.123.453)	45.714.064.321
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(11.426.595.029)	(4.478.858.288)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(18.000.000.000)	(13.500.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.205.685.612	25.126.692.822
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(24.220.909.417)	7.147.834.534
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		249.870.152.438	144.845.094.807
34	Tiền trả nợ gốc vay		(222.303.905.420)	(121.339.386.179)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(52.723.548.000)	(35.149.032.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(25.157.300.982)	(11.643.323.372)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(64.660.333.852)	41.218.575.483
60	Tiền đầu kỳ		257.450.028.216	123.107.440.743
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		103.649.617	(10.565.117)
70	Tiền cuối kỳ	4	192.893.343.981	164.315.451.109


Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh


Kế toán trưởng
Phan Thế Tý


Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Trường

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 số 0101449271 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18 tháng 5 năm 2021.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng của Công ty là dưới 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Đơn vị trực thuộc</i>	<i>Địa chỉ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển	Huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Nhà máy Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay	Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 296 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 328 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 7 công ty con và (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 6 công ty con). Thông tin chi tiết về các công ty con, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết		Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
		Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022		
1	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53,80%	53,80%	53,80%	53,80%	Phường Phú Lâm, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận.
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	90,02%	90,02%	90,02%	90,02%	Xã Điện Thắng Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Cung cấp dịch vụ trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản, nguyên vật liệu, chế biến nông lâm sản, mua bán vật tư phục vụ nông nghiệp.
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	96,41%	96,41%	96,41%	96,41%	Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại.
4	Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam (*)	80,73%	80,73%	83,74%	83,74%	Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	94,00%	94,00%	94,00%	94,00%	Huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Sản xuất, kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; nghiên cứu ứng dụng, đào tạo, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao.
6	Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam (**)	98,92%	98,92%	100,00%	100,00%	Xã Trường Xuân, huyện Thập Mươi, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất kinh doanh hạt giống và nông sản.
7	Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Nông sản Việt Nam (***)	98,92%	-	100,00%	-	Xã Trường Xuân, huyện Thập Mươi, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và kinh doanh hạt giống và nông sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

- (*) Công ty nắm giữ công ty con này gián tiếp thông qua một công ty con khác của Công ty là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục phá sản doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.
- (**) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty nắm giữ trực tiếp 70% và gián tiếp 30% vốn chủ sở hữu trong công ty con này thông qua Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam.
- (***) Đây là một công ty con được thành lập trong kỳ theo giấy Chứng nhận Đăng kí Doanh nghiệp ngày 18 tháng 1 năm 2023 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 21 tháng 3 năm 2023 với vốn điều lệ đăng kí là 14,8 tỷ VND, và được góp bởi một công ty con của Công ty là Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đề ngày 29 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Bản quyền

Bản quyền các loại giống được ghi nhận theo giá mua đối với các loại giống không do Công ty tự nghiên cứu và phát triển. Bản quyền được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua bản quyền.

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7 năm
Phần mềm máy tính	5 - 6 năm
Bản quyền	2 - 8 năm
Tài sản cố định khác	15 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không được khấu hao.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng tại Hà Nam

Chi phí giải phóng mặt bằng tại Khu công nghiệp Đồng Văn 1 mở rộng, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam được bù trừ với số tiền thuê đất Công ty phải trả trong thời gian thuê đất đến hết ngày 27 tháng 5 năm 2064. Chi phí xây dựng hạ tầng để xây dựng công trình tại Khu Công nghiệp này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc. Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phân thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.20 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là trồng trọt và kinh doanh giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

4. TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt	2.232.924.954	4.999.708.117
Tiền gửi ngân hàng	190.660.419.027	252.450.320.099
TỔNG CỘNG	192.893.343.981	257.450.028.216

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce – Chi nhánh Hà Nội	23.209.340.600	23.788.612.780
Công ty Hữu hạn Cổ phần Giống cây trồng Khoa Hội	14.006.863.077	3.335.467.277
Phải thu từ khách hàng khác	86.521.935.170	106.655.942.423
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	2.275.437.012	2.552.703.721
TỔNG CỘNG	126.013.575.859	136.332.726.201
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(60.588.000)	(60.588.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Trả trước cho các nhà thầu xây dựng	3.456.948.026	7.584.668.040
Công ty TNHH Cơ khí Công nông nghiệp		
Thực phẩm Bùi Văn Ngo	-	5.966.617.500
Trả trước cho nhà thầu xây dựng khác	3.456.948.026	1.618.050.540
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	7.755.151.039	21.418.530.260
Công ty Cà phê 721	-	3.554.020.000
Ông Hồ Quang Cua	1.000.000.000	1.000.000.000
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	6.755.151.039	16.864.510.260
TỔNG CỘNG	11.212.099.065	29.003.198.300

6. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn		
Lợi nhuận được chia từ công ty con	26.242.293.000	-
Phải thu phí vận chuyển, bảo quản giống từ Cục Trồng Trọt – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3.194.371.591	3.018.307.788
Tạm ứng chi phí hoạt động cho nhân viên	2.606.896.422	1.616.577.075
Ký cược, ký quỹ	65.000.000	60.000.000
Phải thu khác	4.589.138.772	2.211.297.630
TỔNG CỘNG	36.697.699.785	6.906.182.493
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu ngắn hạn khác	10.251.329.278	5.937.914.005
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	26.446.370.507	968.268.488

7. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp				
Phủ Quỳnh	30.336.000	-	30.336.000	-
Bà Nguyễn Thị Đào	20.000.000	-	20.000.000	-
Nguyễn Hường -Trạm Bảo vệ thực vật Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh	8.572.000	-	8.572.000	-
Phòng Nông nghiệp huyện Thạch Hà	1.680.000	-	1.680.000	-
TỔNG CỘNG	60.588.000	-	60.588.000	-

Các khoản nợ trên đã được Công ty trích lập dự phòng 100% giá trị phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	288.991.259.932	(4.369.309.572)	261.292.776.677	(4.369.309.572)
Nguyên liệu, vật liệu	39.532.661.618	-	44.740.230.699	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.429.567.787	-	4.137.829.598	-
Công cụ, dụng cụ	794.323.965	-	336.882.480	-
TỔNG CỘNG	331.747.813.302	(4.369.309.572)	310.507.719.454	(4.369.309.572)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	4.369.309.572	7.306.758.125
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	-
Trừ: Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	4.369.309.572	7.306.758.125

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn		
Bao bì, tem nhãn	610.412.348	489.073.356
TỔNG CỘNG	610.412.348	489.073.356
Dài hạn		
Chi phí giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng tại Hà Nam	9.166.387.492	9.247.398.622
Chi phí hợp tác đầu tư (*)	3.113.124.970	3.202.071.400
Chi phí sửa chữa, cải tạo	3.103.573.724	2.666.164.670
TỔNG CỘNG	15.383.086.186	15.115.634.692

(*) Đây là khoản góp vốn đầu tư theo Hợp đồng cung cấp - khai thác - chuyển giao Hệ thống năng lượng mặt trời áp mái số 01/2020/VINASOLAR.VN-VINARICE-NSC ngày 18 tháng 9 năm 2020 và phụ lục hợp đồng số 01/2020/VINASOLAR.VN-VINARICE-NSC ngày 5 tháng 12 năm 2020 giữa Công ty, Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam, một công ty con của Công ty, và Công ty Cổ phần VINASOLAR Việt Nam. Căn cứ theo hợp đồng này, Công ty đã góp vốn đầu tư vào Dự án Hệ thống năng lượng mặt trời áp mái với thời gian thực hiện dự án là 20 năm và Công ty sẽ được phân chia 25% lợi nhuận từ dự án này. Chi phí đầu tư cho dự án sẽ được phân bổ trong khoảng thời gian thực hiện dự án.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	158.464.729.904	106.272.614.913	24.755.068.093	1.859.892.790	291.352.305.700
Mua trong kỳ	-	14.165.363.350	-	120.619.356	14.285.982.706
Vào gày 30 tháng 6 năm 2023	158.464.729.904	120.437.978.263	24.755.068.093	1.980.512.146	305.638.288.406
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	16.231.625.672	34.607.654.895	9.676.588.923	1.813.892.790	62.329.762.280
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	66.246.268.748	71.836.590.995	15.094.210.993	1.811.900.602	154.988.971.338
Khấu hao trong kỳ	3.576.533.316	3.590.665.068	782.573.810	19.544.775	7.969.316.969
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	69.822.802.064	75.427.256.063	15.876.784.803	1.831.445.377	162.958.288.307
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	92.218.461.156	34.436.023.918	9.660.857.100	47.992.188	136.363.334.362
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	88.641.927.840	45.010.722.200	8.878.283.290	149.066.769	142.680.000.099



Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	2.275.787.000	3.032.227.000	16.547.500.000	3.768.362.922	25.623.876.922
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	2.275.787.000	3.032.227.000	16.547.500.000	3.768.362.922	25.623.876.922
Trong đó:					
Đã hao mòn hết	-	1.038.915.000	10.110.000.000	-	11.148.915.000
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	1.813.050.957	13.040.013.446	711.801.900	15.564.866.303
Hao mòn trong kỳ	-	177.685.362	618.174.996	125.612.100	921.472.458
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	-	1.990.736.319	13.658.188.442	837.414.000	16.486.338.761
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	2.275.787.000	1.219.176.043	3.507.486.554	3.056.561.022	10.059.010.619
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	2.275.787.000	1.041.490.681	2.889.311.558	2.930.948.922	9.137.538.161



Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023				Ngày 31 tháng 12 năm 2022				Đơn vị tính: VND
	Giá gốc (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (VND)	
Đầu tư vào công ty con	1.096.380.280.526				1.096.380.280.526				
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	780.948.492.526	12.794.862	-	383.845.860.000	780.948.492.526	12.794.862	-	366.572.796.300	
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	30.608.000.000	306.080	-	(i)	30.608.000.000	306.080	-	(i)	
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	6.823.788.000	450.100	-	(i)	6.823.788.000	450.100	-	(i)	
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	47.000.000.000	4.700.000	-	(i)	47.000.000.000	4.700.000	-	(i)	
- Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam	231.000.000.000	-	-	(i)	231.000.000.000	-	-	(i)	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26.061.735.380				26.061.735.380				
- Công ty Cổ phần Tập đoàn ThaiBinh Seed (ii)	26.061.735.380	194.126	-	(i)	26.061.735.380	194.126	-	(i)	
TỔNG CỘNG	1.122.442.015.906				1.122.442.015.906				

(i) Công ty không thể thu thập được các thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

(ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty sở hữu 19,49% cổ phần trong Công ty Cổ phần Tập đoàn đoàn ThaiBinh Seed

Thông tin về các khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 Phải trả cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Giống cây trồng Vạn Xuyên - Trung Quốc	9.297.050.770	9.297.050.770	53.143.220.809	53.143.220.809
Phải trả đối tượng khác	32.958.815.630	32.958.815.630	40.676.575.714	40.676.575.714
Phải trả nhà thầu xây dựng	998.606.361	998.606.361	1.592.212.528	1.592.212.528
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	48.989.616.214	48.989.616.214	52.409.057.799	52.409.057.799
TỔNG CỘNG	92.244.088.975	92.244.088.975	147.821.066.850	147.821.066.850

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ông Vũ Luật	11.375.037	1.214.768.000
Công ty Cổ phần Vật tư Nông Nghiệp Lạng Sơn	-	1.002.525.700
Người mua trả tiền trước khác	3.301.081.031	11.872.396.613
TỔNG CỘNG	3.312.456.068	14.089.690.313

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Thuế giá trị gia tăng	236.646.570	896.121.841	(1.052.403.426)	80.364.985
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.903.741.699)	8.506.217.083	(316.858.604)	5.285.616.780
Thuế thu nhập cá nhân	(793.164.511)	4.866.012.663	(6.804.881.788)	(2.732.033.636)
Thuế khác	-	761.115.492	(761.115.492)	-
TỔNG CỘNG	(3.460.259.640)	15.029.467.079	(8.935.259.310)	2.633.948.129
Trong đó:				
Thuế trả trước	(3.697.487.840)			(2.732.033.636)
Thuế phải nộp	237.228.200			5.365.981.765

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Cổ tức phải trả	70.298.064.000	52.723.548.000
Quỹ lương chưa thanh toán đã loại trừ khi tính thuế TNDN	14.274.804.608	14.274.804.608
Phải trả về chiết khấu thương mại	5.639.291.845	-
Hỗ trợ công tác xã hội	3.040.000.000	3.040.000.000
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.299.996.750	2.299.996.750
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	12.554.304.430	5.421.382.575
TỔNG CỘNG	108.106.461.633	77.759.731.933
Trong đó:		
Phải trả ngắn hạn khác bên liên quan (Thuyết minh số 25)	35.454.936.340	45.028.228.458
Phải trả ngắn hạn đối tượng khác	72.651.525.293	32.731.503.475

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY NGÁN HẠN

		Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Đơn vị tính: VND
		Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm		Số có khả năng trả nợ
		Giá trị					Giá trị	
Vay ngân hàng	16.1	191.674.388.024	191.674.388.024	249.870.152.438	(197.303.905.420)	244.240.635.042	244.240.635.042	
Vay các bên liên quan								
(Thuyết minh số 25)	16.2	100.000.000.000	100.000.000.000	-	(25.000.000.000)	75.000.000.000	75.000.000.000	
TỔNG CỘNG		291.674.388.024	291.674.388.024	249.870.152.438	(222.303.905.420)	319.240.635.042	319.240.635.042	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

16.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng, với lãi suất là 5 – 7%/năm, được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	194.373.185.342	Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 7 tháng với kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 27 tháng 1 năm 2024. Lãi trả vào ngày 26 hàng tháng.	5.996.940 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam được sở hữu bởi Công ty. Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam	49.867.449.700	Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 5 tháng với kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 5 tháng 10 năm 2023. Lãi trả vào ngày 10 hàng tháng.	

TỔNG CỘNG

244.240.635.042

16.2 Vay bên liên quan ngắn hạn

Chi tiết khoản vay bên liên quan, với lãi suất là 4%/năm, được trình bày như sau:

Bên liên quan	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	75.000.000.000	Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 3 tháng với kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 7 tháng 9 năm 2023. Lãi vay được trả khi đáo hạn vay.	Tín chấp

TỔNG CỘNG

75.000.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	415.141.111.205	491.292.331.290	1.413.498.850.345
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	124.369.524.633	124.369.524.633
Chia cổ tức	-	-	-	-	(123.021.612.000)	(123.021.612.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(18.100.657.714)	(18.100.657.714)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(151.344.937)	(151.344.937)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(10.493.058.616)	-	(10.493.058.616)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	404.648.052.589	474.388.241.272	1.386.101.701.711

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	392.440.061.631	530.583.931.379	1.430.089.400.860
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	101.756.267.564	101.756.267.564
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(70.298.064.000)	(70.298.064.000)
Trích lập quỹ (*)	-	-	-	38.284.690.941	(38.284.690.941)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(18.115.771.474)	(18.115.771.474)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022 (*)	-	-	-	-	(197.499.999)	(197.499.999)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023	-	-	-	-	(262.500.000)	(262.500.000)
Sử dụng quỹ (**)	-	-	-	(17.097.803.467)	-	(17.097.803.467)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(382.879.386)	(382.879.386)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	413.626.949.105	504.798.793.143	1.425.491.150.098

(*) Việc trích lập các quỹ, chia cổ tức và trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát từ lợi nhuận năm 2022 được thực hiện theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ2023 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty ngày 20 tháng 4 năm 2023.

(**) Công ty đã sử dụng một phần quỹ đầu tư phát triển để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023			Ngày 31 tháng 12 năm 2022		
	Đơn vị tính: VND		Cổ phiếu ưu đãi	Đơn vị tính: VND		Cổ phiếu ưu đãi
	Tổng số	Cổ phiếu thường		Tổng số	Cổ phiếu thường	
Vốn góp của chủ sở hữu	175.869.880.000	175.869.880.000	-	175.869.880.000	175.869.880.000	-
- Công ty Cổ phần PAN FARM	140.787.070.000	140.787.070.000	-	140.787.070.000	140.787.070.000	-
- Các cổ đông khác	35.082.810.000	35.082.810.000	-	35.082.810.000	35.082.810.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	331.245.527.850	331.245.527.850	-	331.245.527.850	331.245.527.850	-
TỔNG CỘNG	507.115.407.850	507.115.407.850	-	507.115.407.850	507.115.407.850	-

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Vốn đã góp		
Số đầu kỳ	175.869.880.000	175.869.880.000
Số cuối kỳ	175.869.880.000	175.869.880.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	70.298.064.000	123.021.612.000
Cổ tức cho năm 2022: 4.000 đồng/cổ phiếu	70.298.064.000	-
Cổ tức cho năm 2021: 7.000 đồng/cổ phiếu	-	123.021.612.000
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	52.723.548.000	35.149.032.000
Cổ tức cho năm 2021 (đợt 2: 3.000 đồng/cổ phiếu)	52.723.548.000	-
Cổ tức cho năm 2020	-	35.149.032.000

17.4 Cổ phiếu

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.586.988	17.586.988
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	17.586.988	17.586.988
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Cổ phiếu phổ thông	12.472	12.472
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	17.574.516	17.574.516
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu (2022: 10.000 đồng/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Hàng hóa nhận giữ hộ Nhà nước (VND)	84.074.756.999,00	84.074.756.999,00
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	1.778.011,59	376.190,69
- Nhân dân tệ (CNY)	80.316,21	80.316,21
- Euro (EUR)	38.551,61	154.127,56
Nợ khó đòi đã xử lý	2.892.931.475,00	2.892.931.475,00

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Tổng doanh thu	633.289.652.949	588.147.061.261
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	633.067.472.949	588.093.349.645
Doanh thu cung cấp dịch vụ	222.180.000	53.711.616
Các khoản giảm trừ doanh thu:	67.133.275.511	58.493.038.809
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>14.717.997.812</i>	<i>17.945.106.565</i>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>52.415.277.699</i>	<i>40.547.932.244</i>
Doanh thu thuần	566.156.377.438	529.654.022.452
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên thứ ba	535.948.842.208	473.727.038.233
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan	30.207.535.230	55.926.984.219

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Cổ tức được chia	29.101.793.000	40.325.846.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.391.685.201	93.276.502
Lãi chênh lệch tỷ giá	808.598.421	985.465.628
TỔNG CỘNG	32.302.076.622	41.404.588.130

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Giá vốn của dịch vụ và hàng hóa, thành phẩm đã bán	395.085.427.052	339.739.529.518
TỔNG CỘNG	395.085.427.052	339.739.529.518

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Chi phí lãi vay	8.475.907.871	5.415.388.421
Chiết khấu thanh toán	6.228.231.441	3.733.083.762
Lỗ chênh lệch tỷ giá	434.507.989	6.220.800
TỔNG CỘNG	15.138.647.301	9.154.692.983

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (Trình bày lại)(*)
Chi phí bán hàng		
- Chi phí tiền lương	7.577.118.682	12.411.007.052
- Chi phí vận chuyển	15.570.543.220	12.487.754.201
- Chi phí khấu hao	526.783.182	606.783.180
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.570.005.373	17.945.547.101
- Chi phí bán hàng khác	10.453.182.926	11.102.265.861
TỔNG CỘNG	46.697.633.383	54.553.357.395
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí tiền lương	17.628.103.966	28.475.602.493
- Chi phí khấu hao	1.541.671.229	1.349.776.456
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.946.393.781	1.990.176.067
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	10.229.451.774	7.256.690.749
TỔNG CỘNG	31.345.620.750	39.072.245.765

(*) Một số chỉ tiêu của chi phí bán hàng trong kỳ tài chính trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của kỳ tài chính hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (Trình bày lại)(*)
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	409.053.894.043	306.712.385.147
Chi phí nhân công	30.174.318.869	46.164.027.075
Chi phí khấu hao và hao mòn	8.890.789.427	8.860.077.507
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.264.364.240	32.423.477.369
Chi phí khác	20.735.536.050	18.358.956.610
TỔNG CỘNG	499.118.902.629	412.518.923.708

(*) Một số chỉ tiêu của chi phí sản xuất kinh và kinh doanh theo yếu tố trong kỳ tài chính trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của kỳ tài chính hiện tại.

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Căn cứ vào Giấy Chứng nhận số 03/DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011, Công ty được chấp thuận là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"), và theo đó, Công ty được miễn, giảm thuế TNDN như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ kể từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp. Cụ thể:

- (i) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN đến ngày Thông tư 03/2021/TT-BTC có hiệu lực thi hành vào ngày 1 tháng 3 năm 2021;
- (ii) Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế và giảm 50% trong 9 (chín) năm tiếp theo; và
- (iii) Thuế suất đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Thuế TNDN hiện hành	8.173.464.095	3.800.771.177
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	257.593.915	367.710.294
TỔNG CỘNG	8.431.058.010	4.168.481.471

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (Trình bày lại)(*)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	110.187.325.574	128.538.006.104
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	22.037.465.115	25.707.601.221
Các khoản điều chỉnh tăng:		
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	60.168.324	402.945.848
Các khoản điều chỉnh giảm:		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(5.820.358.600)	(8.065.169.200)
Thuế TNDN được giảm	(7.846.216.829)	(13.876.896.398)
Chi phí thuế TNDN	8.431.058.010	4.168.481.471

(*) Công ty đã trình bày lại dữ liệu so sánh của kỳ tài chính trước cho phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại.

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

24.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ		Đơn vị tính: VND Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Kỳ này	Kỳ trước
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Chiết khấu thương mại chưa xuất hóa đơn	1.849.870.030	2.107.463.945	257.593.915	367.710.294
	1.849.870.030	2.107.463.945		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ			257.593.915	367.710.294

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát và/hoặc có giao dịch trọng yếu với Công ty trong kỳ như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Công ty mẹ tối cao
2	Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ
3	Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty cùng tập đoàn
4	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	Công ty con
5	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Công ty con
6	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con
7	Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con
8	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	Công ty con
9	Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	Công ty con
10	Công ty TNHH Đầu tư và Xuất Nhập khẩu Nông sản Việt Nam	Công ty con

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Chức vụ tại Công ty, mối liên hệ
Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quang Trường	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên HĐQT
Ông Trần Đình Long	Thành viên HĐQT (từ ngày 20 tháng 4 năm 2023)
Ông Phạm Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Sáu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Lương Ngọc Thái	Thành viên Ban Kiểm soát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm:

			Đơn vị tính: VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	Công ty con	Bán hàng, vật tư	7.350.592.500	9.369.719.116
		Mua hàng hóa	81.720.000	-
		Cổ tức được chia	918.240.000	-
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Công ty con	Bán hàng, vật tư	6.277.893.000	29.342.822.230
		Mua hàng, dịch vụ	1.522.110.125	3.625.975.687
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con	Bán hàng, vật tư	13.790.278.850	5.420.538.000
		Cổ tức được chia	19.192.293.000	38.384.586.000
		Mua hàng, dịch vụ	30.215.072.575	15.436.385.476
		Lãi vay	2.428.767.120	1.586.849.313
		Thuê văn phòng	1.695.966.995	495.000.000
		Trả nợ gốc vay	25.000.000.000	-
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Cổ tức đã công bố	28.157.414.000	56.314.828.000
		Chi trả cổ tức bằng tiền	42.236.121.000	28.157.414.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	Công ty con	Bán hàng, vật tư	377.794.000	8.635.475.700
		Mua hàng	2.701.953.761	2.491.439.750
		Thuê tài sản	828.000.000	-
		Cổ tức được chia	7.050.000.000	-
		Chi hộ chi phí hoạt động	-	12.276.600.000
Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam	Công ty con	Mua hàng, dịch vụ	1.308.587.434	19.185.802.420
		Bán hàng, vật tư	4.829.478.171	3.134.498.673
Công ty TNHH Đầu tư và Xuất Nhập khẩu Nông sản Việt Nam	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	18.000.000.000	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoài khoản cho vay và đi vay, số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2022: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			Đơn vị tính: VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghịệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)				
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Công ty con	Bán hàng	1.743.510.791	-
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	Công ty con	Bán hàng	531.926.221	2.463.053.721
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng	-	70.400.000
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con	Bán hàng	-	19.250.000
			2.275.437.012	2.552.703.721

Phải thu về cho vay ngắn hạn

Công ty TNHH Đầu tư và Xuất Nhập khẩu Nông sản Việt Nam (*)	Công ty con	Cho vay	18.000.000.000	-
---	-------------	---------	----------------	---

(*) Đây là các khoản cho vay không hưởng lãi suất, không có tài sản đảm bảo và đáo hạn vào tháng 9 năm 2023.

Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6)

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con	Lợi nhuận được chia	19.192.293.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	Công ty con	Lợi nhuận được chia	7.050.000.000	-
		Phải thu về chi hộ chi phí mua hàng	204.077.507	968.268.488
			26.446.370.507	968.268.488

Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13.1)

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con	Mua hàng	44.894.955.711	52.005.275.910
Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam	Công ty con	Mua hàng	4.094.660.503	390.876.529
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Công ty con	Mua hàng	-	12.905.360
			48.989.616.214	52.409.057.799

Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 15)

Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	28.157.414.000	42.236.121.000
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con	Phải trả khác	6.868.914.006	2.137.860.881
		Lãi vay phải trả	399.452.054	654.246.577
Công ty TNHH Đầu tư và Xuất Nhập khẩu Nông sản Việt Nam	Công ty con	Phải trả khác	29.156.280	-
			35.454.936.340	45.028.228.458

Chi tiết khoản vay ngắn hạn với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 được trình bày tại Thuyết minh số 16.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát và lương Ban điều hành trong kỳ:

		Đơn vị tính: VND	
		Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Chức danh			
Hội đồng quản trị		750.000.000	450.000.000
Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch	125.000.000	90.000.000
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch	125.000.000	90.000.000
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên	125.000.000	90.000.000
Ông Nguyễn Quang Trường	Thành viên		
	/Tổng Giám đốc	125.000.000	90.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên	125.000.000	-
Ông Trần Đình Long	Thành viên (từ ngày 20 tháng 4 năm 2023)	125.000.000	90.000.000
Ban Kiểm soát		150.000.000	125.000.001
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng ban	50.000.000	41.666.667
Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên ban	50.000.000	41.666.667
Ông Lương Ngọc Thái	Thành viên ban	50.000.000	41.666.667
Ban Điều hành Công ty		6.659.579.000	9.112.606.439
Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT	1.758.000.000	2.429.737.500
Ông Nguyễn Quang Trường	Tổng Giám Đốc	2.453.866.000	2.273.763.000
Các thành viên ban điều hành khác		2.447.713.000	4.409.105.939
TỔNG CỘNG		7.559.579.000	9.687.606.440

26. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất, kinh doanh và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan đến giống cây trồng. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC CAM KẾT

Cam kết liên quan đến tiền thuê đất

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Đến 1 năm	536.911.302	536.911.302
Trên 1 - 5 năm	2.147.645.208	2.147.645.208
Trên 5 năm	14.228.149.503	14.496.605.154
TỔNG CỘNG	16.912.706.013	17.181.161.664

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

 _____ Người lập Nguyễn Thị Như Quỳnh	 _____ Kế toán trưởng Phan Thế Tỷ	 _____ Tổng Giám đốc Nguyễn Quang Trường
--	--	---

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2023 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn